

THÔNG BÁO THU TIỀN CÁC KHỐI LỚP HỌC NGOẠI NGỮ THÔNG QUA TOÁN KHOA
THÁNG 4 -NĂM HỌC 2024-2025

STT	Nội dung thu	Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5	
		BÁN TRÚ	2 BUỔI	BÁN TRÚ	2 BUỔI	BÁN TRÚ	2 BUỔI	BÁN TRÚ	2 BUỔI	BÁN TRÚ	2 BUỔI
I. Các khoản thu dịch vụ :											
1	Tiền dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú (đồng/HS/tháng)	224.000	0	224.000	0	224.000		224.000		224.000	0
2	Tiền dịch vụ phục vụ ăn sáng (đồng/học sinh/tháng)	60.000	0	60.000	0	60.000		60.000		60.000	0
3	Tiền sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh (tiền điện, chi phí bảo trì máy lạnh) (đồng/HS/tháng)	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000
4	Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin (tin nhắn điện tử) (đồng/HS/tháng)	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000
II. Các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục khác							0		0		0
1	Tiền tổ chức dạy tăng cường môn ngoại ngữ (đồng/HS/tháng)	30.000	30.000	30.000	30.000	60.000	60.000	60.000	60.000	60.000	60.000
2	Tiền tổ chức dạy các lớp tin học tự chọn (đồng/HS/tháng)	0		25.000	25.000	0	0	0	0	0	0
3	Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu, thể dục tự chọn, câu lạc bộ (đồng/HS/tháng/3 CLB)	210.000	210.000	210.000	210.000	210.000	210.000	210.000	210.000	210.000	210.000
4	Tiền tổ chức dạy Kỹ năng sống (đồng/HS/tháng)	79.000	79.000	80.000	80.000	79.000	79.000	79.000	79.000	79.000	79.000
5	Tiền tổ chức giáo dục Stem (đồng/HS/tháng)	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000
6	Tiền tổ chức chương trình học ngoại ngữ thông qua môn Toán và Khoa học (đồng/HS/tháng)	550.000	550.000	550.000	550.000	550.000	550.000	550.000	550.000	550.000	550.000
III. Các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục thực hiện theo các đề án							0		0		0
STT	Nội dung thu						0		0		0
1	Tin học quốc tế (đồng/HS/tháng)	0		0		150.000	150.000	0	0	0	0
IV. Các khoản thu cho cá nhân học sinh							0		0		0
1	Tiền suất ăn trưa bán trú (đồng/học sinh/ngày) 34.000đ X 19 ngày	646.000	0	646.000	0	646.000	0	646.000	0	646.000	0
2	Tiền ăn sáng cho học sinh (đồng/học sinh/ngày)14.000đ X 19 ngày	266.000	0	266.000	0	266.000	0	266.000	0	266.000	0
3	Tiền nước uống học sinh (đồng/HS/tháng)	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000
	TỔNG CỘNG	2.214.000	1.018.000	2.240.000	1.044.000	2.394.000	1.198.000	2.244.000	1.048.000	2.244.000	1.048.000

Ngày 01 tháng 4 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG

TIỂU HỌC

VÕ THỊ SÁU

Trần Thị Tuyết Mai